

# ĐẠI DỊCH COVID-19 VÀ NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TẠI THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

● BÙI THANH LONG - LÊ VĂN CỌP

## TÓM TẮT:

Nghiên cứu tập trung vào phân tích nhân tố ảnh hưởng lên kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) trong thời gian Covid-19 tại thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Kết quả nghiên cứu cho thấy 6 nhân tố bao gồm: quy mô doanh nghiệp, năng lực nhân viên kế toán, hỗ trợ tư vấn của tổ chức nghề, chất lượng phần mềm kế toán, áp lực từ thuế, tuân thủ chuẩn mực kế toán tác động đến kế toán thuế TNDN trong thời gian Covid-19. Từ đó, bài nghiên cứu đề xuất cho các chủ doanh nghiệp, kế toán thuế, cơ quan thuế và các bên liên quan xem xét và có bước điều chỉnh phù hợp về kế toán thuế TNDN để thích ứng trong điều kiện khủng hoảng và điều kiện bình thường.

**Từ khóa:** kế toán thuế thu nhập, doanh nghiệp vừa và nhỏ, Covid-19.

## 1. Đặt vấn đề

Từ cuối năm 2019, đại dịch Covid-19 bắt đầu bùng phát tại Trung Quốc và nhanh chóng lây lan ra toàn thế giới gây ảnh hưởng trực tiếp sức khỏe của người dân Việt Nam và tác động mạnh mẽ đến tình hình kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của nhiều quốc gia bị tác động tiêu cực với tăng trưởng âm, trong khi đó kinh tế Việt Nam năm 2021 dưới 3% thấp nhất sau hai thập niên. Hàng loạt doanh nghiệp (DN) bị phá sản trong cả nước, các DN tại thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh cũng không ngoại lệ. Nhiều DN phải ngừng hoạt động sản xuất, giảm việc làm, qua đó làm tăng tỷ lệ lao

động thất nghiệp, ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế Việt Nam. Theo thống kê của Chi cục Thuế, trên địa bàn thị xã Duyên Hải trong năm 2021, có trên 10 DNNVV tuyên bố giải thể, họ buộc phải bán tài sản để thanh toán tiền lương nhân viên và có hơn trên dưới 100 DN hoạt động cầm chừng, buộc họ phải cắt bớt số lượng nhân viên để cân đối nguồn tài chính.

Từ các công trình nghiên cứu trước đây, một số vấn đề lý luận liên quan đến kế toán thuế đã được hệ thống khá đầy đủ và được vận dụng để đánh giá thực trạng và giải pháp cho nhiều kế toán thuế và doanh nghiệp trên địa bàn cả nước. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu chưa đánh giá được tình

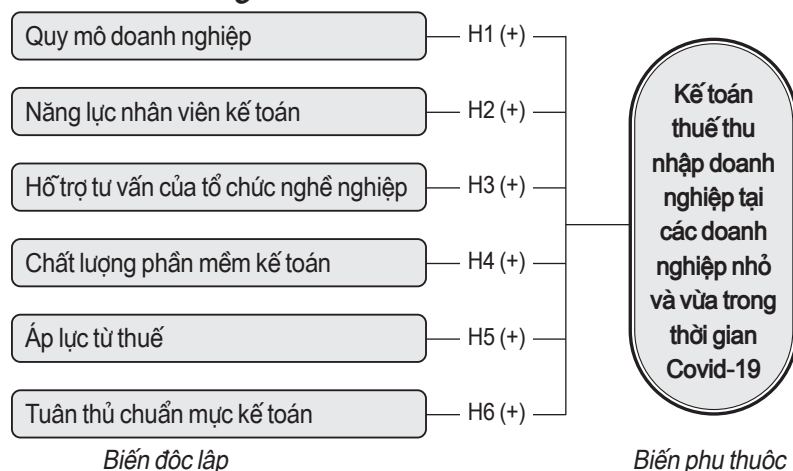
hình cụ thể, chưa tiếp cận với chính sách thuế mới, đặc biệt trong điều kiện kinh tế - xã hội hiện nay, thời điểm chịu nhiều ảnh hưởng của dịch Covid-19 kéo dài. Từ thực tế nói trên, việc đánh giá lại các nhân tố ảnh hưởng đến kế toán thuế TNDN trong tình hình Covid -19 thật sự cần thiết. Do vậy, bài nghiên cứu phân tích “Các nhân tố ảnh hưởng đến kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong thời gian Covid-19 tại thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh” để đánh giá những ảnh hưởng của công tác quản lý và thực hiện kế toán thuế TNDN trong tình trạng và sau Covid-19.

## **2. Mô hình nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu**

### **2.1. Mô hình nghiên cứu đề xuất**

Từ các công trình nghiên cứu trước và cơ sở lý luận đã được đề cập nhật, tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu với các nhân tố như thể hiện tại Hình 1.

**Hình 1: Mô hình nghiên cứu**



Nguồn: Tác giả đề xuất, 2022

Mô hình đề xuất các nhân tố để xây dựng mô hình phân tích hồi quy bao gồm các biến độc lập gồm có quy mô doanh nghiệp, năng lực nhân viên kế toán, Hỗ trợ tư vấn của tổ chức nghề, Chất lượng phần mềm kế toán, Áp lực từ thuế, Tuân thủ chuẩn mực kế toán) để đo lường mức độ ảnh hưởng của chúng lên biến phụ thuộc kế toán thuế TNDN tại các DNNVV trong thời gian Covid-19.

### **2.2. Phương pháp nghiên cứu**

Phương pháp nghiên cứu là phương pháp hỗn hợp, bao gồm phương pháp định tính và định lượng.

Phương pháp nghiên cứu định tính: tổng hợp cơ sở lý thuyết, lượt khảo các công trình nghiên cứu trước, nhằm mục đích xây dựng cũng như kế thừa các nhân tố ảnh hưởng tới thuế TNDN tại các DNNVV. Sau đó, tác giả tiến hành xây dựng các thang đo để phỏng vấn các chuyên gia nhằm đánh giá lại mức độ ảnh hưởng của các nhân tố mà tác giả xây dựng để tiến hành các bước tiếp theo của đề tài.

Phương pháp nghiên cứu định lượng: Khảo sát các kế toán viên, chủ DN thông qua bảng câu hỏi được thiết kế dựa trên thang đo Likert 5 mức độ, nhằm đánh giá mức độ quan trọng của các nhân tố ảnh hưởng của kế toán thuế TNDN tại các DNNVV. Xử lý số liệu với phần mềm SPSS 20.0 với các kỹ thuật như thống kê mô tả, đánh giá độ tin cậy thang đo với hệ số Cronbach's Alpha và phân tích nhân tố khám phá (EFA), đánh giá và kiểm định sự phù hợp của mô hình hồi quy về các nhân tố ảnh hưởng đến kế toán thuế TNDN tại các DNNVV.

## **3. Kết quả**

### **3.1. Thống kê mô tả**

Tác giả khảo sát đến kế toán viên, nhà quản trị trực tiếp thực hiện công việc kế toán thuế TNDN tại các DNNVV trên địa bàn thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Tổng số phiếu đã phát đi là

140 phiếu và thu về là 140 phiếu. Kết quả thống kê mô tả cho thấy:

*Về giới tính:* cho thấy đa phần đáp viên (kế toán viên, ban quản trị) là nữ giới (chiếm 64% trên tổng số 100%), còn lại là nam giới chiếm 36%.

*Về trình độ học vấn:* phần lớn các đáp viên có trình độ đào tạo, chuyên môn, nghiệp vụ cao.

Trong số 140 mẫu khảo sát thu về, có 75% đáp viên đã thông qua bậc đào tạo đại học, 14% đáp viên có trình độ sau đại học (trong đó 79% là tiến sĩ và 21% là thạc sĩ). Bên cạnh đó, chỉ có 6% tốt nghiệp trung cấp nghề và 6% tốt nghiệp cao đẳng.

### 3.2. Đánh giá độ tin cậy Cronbach's Alpha

#### 3.2.1. Kiểm định Cronbach's Alpha

Sử dụng phép kiểm định Cronbach's Alpha để xác định mối quan hệ tương quan giữa các biến quan sát trong cùng một nhân tố nhằm loại bỏ các biến quan sát không đóng góp trong việc phản ánh xu hướng, đặc điểm và tính chất của nhân tố.

Kết quả kiểm định cho thấy các nhân tố đều có hệ số Cronbach's Alpha > 0.8, giao động từ 0.831 đến 0.910. Hệ số tương quan biến tổng của các biến quan sát (các thang đo) trong cùng 1 nhân tố mẹ đều trên 0.3 và nhỏ hơn 0.9, đạt yêu cầu đã đặt ra trong phần trình bày phương pháp phân tích dữ liệu.

Kết luận tệp dữ liệu sơ cấp gồm 140 mẫu khảo sát thông qua được kiểm định Cronbach's Alpha, được chấp nhận và phù hợp để tiến hành bước tiếp theo của nghiên cứu.

#### 3.2.2. Phân tích nhân tố khám phá (EFA)

Phân tích nhân tố khám phá EFA nhằm mục đích kiểm định lại xem các nhân tố độc lập có sự tương quan cùng chiều đến biến phụ thuộc thuộc hay không.

Trước khi tiến hành phân tích nhân tố khám phá, bộ dữ liệu phải đạt yêu cầu của kiểm định KMO and Bartlett, với hệ số KMO phải nằm trong khoảng giá trị từ 0.5 đến 1. Mức ý nghĩa Sign < 0.05 sẽ cho biết phép kiểm định của mô hình có độ tin cậy cao > 95% và biến quan sát có mối quan hệ tương quan với tổng thể.

**Bảng 1. Kiểm định KMO and Bartlett cho các biến độc lập**

| Kaiser-Meyer-Olkin |                    | .883     |
|--------------------|--------------------|----------|
| Kiểm định Bartlett | Approx. Chi-Square | 3191.040 |
|                    | df                 | 351      |
|                    | Sig.               | .000     |

Nguồn: Tác giả phân tích bằng phần mềm SPSS, 2022

Kết quả tại Bảng 1 cho thấy hệ số KMO = 0.883 > 0.5 với mức ý nghĩa Sig. = 0.000, có thể kết luận dữ liệu đạt yêu cầu để thực hiện phép phân tích nhân tố khám phá.

#### 3.2.3. Phân tích hồi quy đa biến

Sau khi thực hiện phân tích tương quan, tác giả tiến hành phân tích hồi quy đa biến để kiểm định giả thuyết của mô hình nghiên cứu và mức độ tác động của nhân tố độc lập đến nhân tố phụ thuộc.

Bảng 2 cho thấy mức độ tương quan giữa các nhân tố độc lập với nhân tố phụ thuộc trong mô hình là rất cao với  $R = 0.888^a$ . Chỉ số  $R^2$  hiệu chỉnh là 0.780 nói lên 78% sự thay đổi của biến phụ thuộc được giải thích bởi các nhân tố độc lập được đề cập trong nghiên cứu và 22% đến từ các nhân tố khác và sai số ngẫu nhiên.

Ngoài ra, tác giả còn tiến hành kiểm định tự tương quan bằng hệ số Durbin - Watson nhằm xem xét có xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến đối với hàm bậc nhất trong đề tài nghiên cứu hay không. Theo kết quả được hiển thị ở bảng tóm tắt mô hình (Bảng 2), hệ số DW của các nhân tố độc lập và biến phụ thuộc là 1.769 cùng với số mẫu khảo sát  $n = 140$ , số biến độc lập  $k = 6$ , sau khi tra bảng Durbin - Watson, ta được giá trị của dU là

**Bảng 2. Bảng tóm tắt mô hình**

| Model | R                 | R Square | Adjusted R Square | Std. Error of the Estimate | Change Statistics |          |     |     |               | Durbin -Watson |
|-------|-------------------|----------|-------------------|----------------------------|-------------------|----------|-----|-----|---------------|----------------|
|       |                   |          |                   |                            | R Square Change   | F Change | df1 | df2 | Sig. F Change |                |
| 1     | .888 <sup>a</sup> | .789     | .780              | .3801812                   | .789              | 83,037   | 6   | 133 | .000          | 1,769          |

Nguồn: Tác giả phân tích, 2022

1.651 và dL là 1.817. Để không xảy ra hiện tượng tự tương quan bậc nhất với mức ý nghĩa 0.005 thì:  $dU < DW < 4 - dL$  ( $1.651 < 1.769 < 2.183$ ). Xét thấy hệ số DW của đề tài nghiên cứu phù hợp với điều kiện suy ra mô hình hồi quy đa biến của đề tài không xảy ra hiện tượng tự tương quan bậc nhất giữa các nhân tố độc lập và biến phụ thuộc.

Bảng 3 cho thấy giá trị của phép thống kê  $F = 83.037$  với mức ý nghĩa  $Sig. = 0.000$ , điều này nói lên mức độ phù hợp của mô hình so với tổng thể. Vì thế, mô hình nghiên cứu của đề tài có thể đưa vào áp dụng và suy diễn rộng ra tổng thể tất cả các SME trên địa bàn thị xã Duyên Hải.

Kết quả tại Bảng 4 cho thấy các nhân tố độc lập trong mô hình đều có hệ số hồi quy dương, giá

trị thống kê “t” khá lớn với mức ý nghĩa  $Sig. = 0.000 < 0.05$  cho thấy mô hình có ý nghĩa về mặt thống kê với độ tin cậy hơn 95%. Nói cách khác, với độ tin cậy 95% thì các nhân tố độc lập có tác động cùng chiều đến biến phụ thuộc.

Mô hình hồi quy đa biến của đề tài có dạng:

$$\begin{aligned} KTTTNDN = & 0.182QM + 0.165NLNV \\ & + 0.331HT + 0.175CL \\ & + 0.143ALT + 0.163TT \end{aligned}$$

Nhân tố Quy mô doanh nghiệp: có hệ số  $\beta = 0.182$  ở mức ý nghĩa  $Sig. 0.000 < 0.05$ , cho thấy Quy mô doanh nghiệp có sự tác động cùng chiều đến kế toán thuế TNDN tại các DNNVV trên địa bàn thị xã Duyên Hải. Chấp nhận giả thuyết H1, quy mô doanh nghiệp có ảnh hưởng trực tiếp để tổ

**Bảng 3. Kiểm định độ phù hợp của mô hình ANOVA<sup>a</sup>**

| Model                                                |            | Sum of Squares | df  | Mean Square | F      | Sig.  |
|------------------------------------------------------|------------|----------------|-----|-------------|--------|-------|
| 1                                                    | Regression | 72,012         | 6   | 12,002      | 83,037 | ,000b |
|                                                      | Residual   | 19,224         | 133 | ,145        |        |       |
|                                                      | Total      | 91,235         | 139 |             |        |       |
| a. Dependent Variable: KTTTNDN                       |            |                |     |             |        |       |
| b. Predictors: (Constant), TT, NLNV, ALT, QM, CL, HT |            |                |     |             |        |       |

*Nguồn: Tác giả phân tích, 2022*

**Bảng 4. Hệ số hồi quy**

| Model                          |            | Unstandardized Coefficients |            | Standardized Coefficients | t      | Sig. | Correlations |         |      | Collinearity Statistics |       |
|--------------------------------|------------|-----------------------------|------------|---------------------------|--------|------|--------------|---------|------|-------------------------|-------|
|                                |            | B                           | Std. Error | Beta                      |        |      | Zero-order   | Partial | Part | Tolerance               | VIF   |
|                                | (Constant) | -1,015                      | ,245       |                           | -4,144 | ,000 |              |         |      |                         |       |
|                                | QM         | ,228                        | ,060       | ,182                      | 3,803  | ,000 | ,574         | ,313    | ,151 | ,694                    | 1,442 |
|                                | NLNV       | ,164                        | ,048       | ,165                      | 3,400  | ,001 | ,605         | ,283    | ,135 | ,677                    | 1,478 |
|                                | HT         | ,343                        | ,063       | ,331                      | 5,457  | ,000 | ,779         | ,428    | ,217 | ,430                    | 2,324 |
|                                | CL         | ,175                        | ,056       | ,175                      | 3,123  | ,002 | ,683         | ,261    | ,124 | ,503                    | 1,986 |
|                                | ALT        | ,139                        | ,051       | ,143                      | 2,702  | ,008 | ,642         | ,228    | ,108 | ,566                    | 1,768 |
|                                | TT         | ,171                        | ,060       | ,163                      | 2,828  | ,005 | ,710         | ,238    | ,113 | ,476                    | 2,103 |
| a. Dependent Variable: KTTTNDN |            |                             |            |                           |        |      |              |         |      |                         |       |

*Nguồn: Tác giả xử lý dữ liệu, 2022*

chức công tác kế toán tại đơn vị của các DNNVV. Đối với các DNNVV có quy mô lớn tổ chức chặt chẽ, công tác kế toán thuế TNDN sẽ được cải thiện và nâng cao.

Nhân tố Năng lực nhân viên: có hệ số  $\beta = 0.165$  ở mức ý nghĩa Sig.0,001 ( $0.000 < 0.05$ ), cho thấy Năng lực của nhân viên kế toán có sự tác động cùng chiều đến kế toán thuế TNDN tại các DNNVV trên địa bàn thị xã Duyên Hải. Chấp nhận giả thuyết H2. Năng lực của nhân viên kế toán tại đơn vị càng cao, mức độ hoàn thiện, chất lượng của công tác kế toán thuế TNDN càng được tăng cường.

Nhân tố Hỗ trợ, tư vấn của các tổ chức nghề nghiệp: là nhân tố có hệ số  $\beta$  cao nhất, có tác động nhiều nhất đến biến phụ thuộc với  $\beta = 0.331$  ở mức ý nghĩa Sig.  $0.000 < 0.05$ , cho thấy sự hỗ trợ, tư vấn của các tổ chức nghề nghiệp có sự tác động cùng chiều đến kế toán thuế TNDN tại các DNNVV trên địa bàn thị xã Duyên Hải. Chấp nhận giả thuyết H3. Sự chủ động trong việc tìm kiếm hỗ trợ từ các tổ chức nghề nghiệp có ảnh hưởng rất tích cực đến công tác kế toán thuế TNDN, hạn chế được các sai phạm không đáng có.

Nhân tố Chất lượng phần mềm kế toán: có hệ số  $\beta = 0.175$  ở mức ý nghĩa Sig.0,002 ( $0.000 < 0.05$ ), cho thấy Chất lượng phần mềm kế toán có sự tác động cùng chiều đến kế toán thuế TNDN tại các DNNVV trên địa bàn thị xã Duyên Hải. Chấp nhận giả thuyết H4, Chất lượng phần mềm kế toán do công ty cung cấp có tác động tích cực tới công tác kế toán thuế TNDN tại các DNNVV.

Nhân tố Áp lực từ thuế: là nhân tố có mức ảnh hưởng thấp nhất trong 6 nhân tố độc lập với hệ số  $\beta = 0.143$  ở mức ý nghĩa Sig.0,008 ( $0.000 < 0.05$ ), cho thấy Áp lực từ thuế có sự tác động cùng chiều đến kế toán thuế TNDN tại các DNNVV trên địa bàn thị xã Duyên Hải. Chấp nhận giả thuyết H5, Áp lực từ thuế và các chế tài vi phạm có ảnh hưởng tích cực đến việc chấp hành nghiêm chỉnh và tuân thủ đúng các quy định về công tác kế toán thuế TNDN ở các DNNVV.

Nhân tố tuân thủ các chuẩn mực kế toán: có hệ số  $\beta = 0.163$  ở mức ý nghĩa Sig.0,005 ( $0.000 < 0.05$ ), cho thấy việc tuân thủ các chuẩn mực có tác động cùng chiều đến kế toán thuế TNDN tại các DNNVV trên địa bàn thị xã Duyên Hải. Chấp nhận giả thuyết H6, tin thần chấp hành tốt và nghiêm chỉnh các chuẩn mực kế toán có ảnh hưởng trực tiếp công tác kế toán thuế TNDN.

Thông qua các phép kiểm định, mô hình hồi quy tổng thể của đề tài nghiên cứu có ý nghĩa thống kê với độ tin cậy  $> 95\%$ . Các nhân tố độc lập trong đề tài đều thông qua kiểm định và có mức ý nghĩa tương tự, đồng thời chấp nhận tất cả giả thuyết ban đầu đề ra.

#### 4. Kết luận

Thông qua việc nghiên cứu các cơ sở lý thuyết từ các công trình nghiên cứu đến từ trong và ngoài nước có liên quan đến công tác kế toán thuế TNDN, tác giả đã tiến hành đề xuất mô hình nghiên cứu với 6 nhân tố độc lập (gồm Quy mô doanh nghiệp; Năng lực nhân viên kế toán; Chất lượng phần mềm kế toán; Áp lực từ thuế và tuân thủ chuẩn mực kế toán) có tác động đến công tác kế toán thuế TNDN tại các DNNVV ở Thị Xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Sau khi xác định được mô hình và các nhân tố của đề tài nghiên cứu, tác giả tiến hành kiểm định, đánh giá độ tin cậy của tập dữ liệu bằng các phép kiểm định Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá, phân tích tương quan (Pearson). Kết quả cho thấy tập dữ liệu là phù hợp và có ý nghĩa thống kê. Sau khi tiến hành các kiểm định trên tác giả thực hiện phân tích hồi quy đa biến thông qua phần mềm SPSS rút ra kết luận có 6 nhân tố độc lập có ảnh hưởng trực tiếp đến kế toán thuế TNDN của các DNNVV. Trong đó, yếu tố có ảnh hưởng mạnh nhất là Hỗ trợ, tư vấn của các tổ chức nghề nghiệp (0.331), tiếp đến là Quy mô doanh nghiệp (0.182), thứ ba là nhân tố Chất lượng phần mềm kế toán (0.175), thứ tư là nhân tố Năng lực nhân viên (0.165), thứ năm là nhân tố Tuân thủ chuẩn mực kế toán (0.163) và cuối cùng là nhân tố Áp lực từ thuế (0.143) ■

**Ghi chú:**

**Nội dung bài báo được công bố dựa trên kết quả nghiên cứu thuộc đề tài luận văn của học viên Lê Văn Cọp, khóa Sau Đại học, Trường Đại học Trà Vinh. Đề tài được thực hiện dưới sự hướng dẫn của giảng viên TS. Bùi Thanh Long - Trường Đại học Trà Vinh.**

**TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

1. Nguyễn Công Phương (2010). Liên kết giữa kế toán và thuế ở Việt Nam. *Tạp chí Phát triển kinh tế*, 239, 22-26.
2. Ngô Thị Cẩm Lệ (2012). *Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và thực tiễn địa bàn Hà Nội*. Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.
3. Văn Công Tuấn (2012). *Các yếu tố tác động hành vi tuân thủ thuế của doanh nghiệp*. Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh.
4. Nguyễn Minh Hà & Nguyễn Hoàng Quân (2012). Xác định các yếu tố làm ảnh hưởng đến việc tuân thủ thuế thu nhập của các doanh nghiệp. *Tạp chí Khoa học Đại học Huế*, 26(5A), 1-6.
5. Đoàn Thị Thu Huyền (2012). *Hoàn thiện công tác kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty TNHH thương mại Đông Á*. Khóa luận tốt nghiệp, Trường Đại học Dân lập Hải Phòng, TP. Hải Phòng.
6. Trần Đình Khuê (2014). *Hoàn thiện công tác quản lý thuế đối với doanh nghiệp tại chi cục thuế huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh*. Luận văn Thạc sĩ, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Hà Nội.
7. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2015). *Nghị quyết số 934/NQ-UBTVQH13 Về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Trà Cú, huyện Duyên Hải để thành lập Thị xã Duyên Hải*.
8. Nguyễn Thị Thu Hoàn (2016). Các nhân tố ảnh hưởng đến thực thi và tuân thủ chuẩn mực kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp ở Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Công nghệ*, 46, 35-37.
9. Phạm Minh Tiến (2016). Hành vi tuân thủ thuế của doanh nghiệp: Nhìn từ phía các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh*, 11, 11-20.
10. Chính phủ (2018). *Nghị định số 39/2018/NĐ-CP Về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa*.
11. Nguyễn Thị Giang (2020). *Các nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa*. Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.
12. Giáp Thị Lệ (2019). *Nhân tố ảnh hưởng đến việc chọn dịch vụ kế toán tại tỉnh Đồng Nai*. Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Lạc Hồng, tỉnh Đồng Nai.
13. Lê Hoàng Vân Trang, Võ Văn Hiền, Nguyễn Hoàng Thơ (2020). *Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng thông tin kế toán trên báo cáo tài chính của các doanh nghiệp niêm yết tại thành phố Hồ Chí Minh*. Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh.
14. Nguyễn Thị Kim Trang - Bùi Văn Trịnh (2021). Nhân tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ pháp luật về thuế của các doanh nghiệp tại tỉnh Bến Tre. *Tạp chí Tài chính*. Truy cập tại <https://tapchitaichinh.vn/chuyen-dong-tai-chinh/cac-nhan-to-anh-huong-den-hanh-vi-tuan-thu-phap-luat-ve-thue-cua-cac-doanh-nghiep-tai-ben-tre-344975.html>
15. Phan Minh Tâm (2020). *Đo lường các nhân tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn dịch vụ kế toán của các doanh nghiệp tỉnh Bến Tre*. Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.
16. Đoàn Phúc Linh (2020). *Nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán công đoàn tỉnh Trà Vinh*. Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.
17. Thủ tướng Chính phủ (2020). *Chỉ thị số 16/CT-TTg về việc thực hiện các biện pháp cấp bách phòng chống dịch Covid -19*.

18. Nguyễn Thị Ngọc Điệp, Nguyễn Huy Hoàng (2021). Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Công Thương*, 6, 234-239.

**Ngày nhận bài: 6/9/2022**

**Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 4/10/2022**

**Ngày chấp nhận đăng bài: 14/10/2022**

*Thông tin tác giả:*

**1. BUI THANH LONG**

**2. LÊ VĂN CỘP**

**Bộ môn Kế toán**

**Khoa Kinh tế - Luật, Trường Đại học Trà Vinh**

## THE COVID-19 PANDEMIC AND FACTORS AFFECTING THE INCOME TAX ACCOUNTING OF SMALL AND MEDIUM-SIZED ENTERPRISES IN DUYEN HAI TOWN, TRA VINH PROVINCE

● BUI THANH LONG<sup>1</sup>

● LE VAN COP<sup>1</sup>

<sup>1</sup>Department of Mathematics

Faculty of Economics - Law, Tra Vinh University

### **ABSTRACT:**

This study analyzes the factors affecting the income tax accounting of small and medium-sized enterprises (SMEs) in Duyen Hai town, Tra Vinh province during the COVID-19 pandemic. The study shows that there are six factors affecting the income tax accounting of SMEs. These factors are the enterprise scale, the accountant's ability, the consulting and supports from professional organizations, the accounting software quality, and the compliance with accounting standards. Based on the study's findings, some recommendations are made for enterprise owners, tax accountants, tax authorities and related parties to appropriately adjust income tax accounting to response to abnormal situations and normal situations.

**Keywords:** income tax accounting, small and medium-sized enterprises, Covid-19.